



Phụ lục 1

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 các chương trình mục tiêu quốc gia thành phố Huế

Nguồn vốn: Đầu tư phát triển

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế)

(ĐVT: Triệu đồng)

TT	Địa phương	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao theo Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 16/7/2024 của HĐND tỉnh								Lũy kế vốn bố trí								Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh, bổ sung								Tăng (+)/Giảm (-)						Ghi chú		
		Tổng cộng	NSTW	Trong đó:						Tổng cộng	NSTW	Trong đó:						Tổng cộng	NSTW	Trong đó:						Tổng cộng	NSTW	Trong đó:						
				NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác								NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác								NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác								NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác						
				Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:							Tổng cộng	Trong đó:					
					Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Trong đó:						Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Trong đó:						Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Trong đó:						Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Trong đó:			
							Ngân sách	Ngân sách	Ngân sách						Ngân sách	Ngân sách	Ngân sách						Ngân sách	Ngân sách										
							đóng góp	đóng góp	đóng góp						đóng góp	đóng góp	đóng góp						đóng góp	đóng góp										
động khác	động khác	động khác	động khác				động khác	động khác	động khác	động khác	động khác				động khác	động khác	động khác	động khác	động khác				động khác	động khác	động khác	động khác	động khác				động khác			
(1)	(2)	(3)-(4)+(5)	(4)	(5)-(6)+(7)	(6)	(7)-(8)+(9)	(8)	(9)	(10)-(11)+(12)	(11)	(12)-(13)+(14)	(13)	(14)-(15)+(16)	(15)	(16)	(17)-(18)+(19)	(17)	(18)-(19)+(20)	(19)	(20)	(21)-(22)+(23)	(22)	(23)-(24)+(25)	(24)-(19)-(6)	(25)	(26)								
	Tổng cộng	2.165.121	1.354.250	810.871	317.173	493.698	343.943	149.755	1.871.410	1.263.062	608.348	243.275	365.073	261.661	103.412	2.166.471	1.293.810	872.661	395.206	477.455	1.350	-60.440	61.790	78.033	-16.243									
1	CTMTQG xây dựng nông thôn mới	1.044.815	394.180	650.635	214.762	435.873	289.658	146.215	873.467	394.390	479.077	159.690	319.387	217.612	101.775	1.045.025	394.390	650.635	231.005	419.630	210	210	0	16.243	-16.243	Phụ lục 2, 3								
2	CTMTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN (*)	553.079	467.613	85.466	57.663	27.803	27.803	0	512.855	436.865	75.990	57.663	18.327	18.327		553.079	467.613	85.466	57.663	27.803	0	0	0	0	0									
3	CTMTQG giảm nghèo bền vững	567.227	492.457	74.770	44.748	30.022	26.482	3.540	485.088	431.807	53.281	25.922	27.359	25.722	1.637	568.367	431.807	136.560	106.538	30.022	1.140	-60.650	61.790	61.790	0	Phụ lục 4								

Ghi chú:

- Cột (19): Phần ngân sách thành phố bao gồm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền 02 cấp còn lại phải phân bổ cho các công trình do các Ban QLDA khu vực cấp thành phố làm chủ đầu tư
- Cột (20): Phần ngân sách xã bao gồm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền 02 cấp đã phân bổ cho các công trình do các ban cấp huyện và UBND cấp xã làm chủ đầu tư
- Cột (24): Phần ngân sách thành phố bao gồm phần ngân sách trung ương năm 2025 không tiếp hỗ trợ cho thành phố Huế và phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền 02 cấp phải phân bổ cho các công trình do các Ban QLDA khu vực cấp thành phố làm chủ đầu tư
- Cột (25): Phần ngân sách xã phải phân bổ cho các công trình do UBND cấp xã làm chủ đầu tư
- (*) UBND thành phố đã có Báo cáo số 469/BC-UBND ngày 30/9/2025 gửi Bộ Dân tộc và Tôn giáo đề nghị hoàn trả 30,748 tỷ đồng do dự án Đầu tư hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý tại huyện A Lưới không thể thực hiện



Phụ lục 2

Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới thành phố Huế

(Kèm theo Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Huế)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày phê duyệt	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh						Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh						Tăng (+)/Giảm (-)				Phân NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua đầu kỳ	Phân NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh thêm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp	Phân NSTP bổ sung thêm theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú						
						Tổng cộng	Trung đó:					Tổng cộng	Trung đó:					Tổng cộng	Trung đó:												
							NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác					NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác					NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác											
								Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác			Tổng cộng	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Tổng cộng			Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác					Tổng cộng	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác			
	Tổng cộng					325.865	105.576	220.289	78.772	108.913	32.604	320.549	105.786	214.763	182.159	32.604	-5.316	210	-5.526	-5.526	0	28.823	45.065	16.243							
1	Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến để bao nội đồng Trại bom tiêu Đồng Lâm, xã Quảng Vinh	Dan Diêm	2024-2025	Đề bao dài 1.079,4m; kính tiêu 24,6m và các công trình trên tuyến chống lũ tiêu nước, 10 năm cho 150ha lúa 02 vụ vùng từ bên 3 xã Phú - Vinh - Thọ	229/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	9.000	0	9.000	3.600	5.400	0	9.000	0	9.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.100	3.100	Đang thực hiện					
2	Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến để bao nội đồng Trại bom tiêu Bàu Bang, xã Quảng An	Quảng Diêm	2024-2025	Đề bao bờ dài 320m; đề bao bờ dài 472,5m và các công trình trên tuyến chống lũ tiêu nước, 10 năm cho 180ha lúa 02 vụ của HTX An Xuân	246/QĐ-UBND ngày 13/10/2023	5.835	0	5.835	2.335	3.500	0	5.835	0	5.835	5.835	0	0	0	0	0	0	0	0	436	436	Hoàn thành, chưa quyết toán					
3	Gia cố, nâng cấp kết hợp giao thông các tuyến để bao nội đồng các trạm bơm tiêu: Bạch Đằng và Phước Lý, xã Quảng Phước, huyện Quảng Diêm	Quảng Diêm	2022-2023	Dài 1.801,4m và các công trình trên tuyến	1801 ngày 20/7/2022	14.985	0	14.985	5.994	8.991	0	14.985	0	14.985	14.985	0	0	0	0	0	0	0	0	1.120	1.120	Đã quyết toán					
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải làng bản Văn Cù, xã Hương Toàn	Kim Tra	2023-2025	Cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải gồm 08 tuyến đường thoát nước thải tổng chiều dài 2,47km	507/QĐ-UBND ngày 16/4/2024	2.650	1.387	1.263	0	1.000	263	2.650	1.387	1.263	1.000	263	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán					
5	Trường mầm non Bình Thành (Hạng mục: khu hiệu bộ)	Bình Diêm	2022-2024	Khu hiệu bộ 2 tầng/395 m ²	1476 ngày 30/9/2022	4.889	3.000	1.889	0	1.400	489	4.889	3.000	1.889	1.400	489	0	0	0	0	0	0	0	400	400	Đã quyết toán					
6	Trường TH&THCS Lê Quang Bình (Hạng mục: khu hiệu bộ và 02 phòng học)	Bình Diêm	2022-2024	Khu hiệu bộ 2 tầng/610 m ² và 2 phòng học/200 m ²	1643/QĐ-UBND ngày 10/11/2022; 281/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	7.556	4.000	3.556	0	2.800	756	7.556	4.000	3.556	2.800	756	0	0	0	0	0	0	0	138	138	Đã quyết toán					
7	Trường Tiểu học Hồng Tiến	Bình Diêm	2024-2025	04 phòng	2276/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	5.000	0	5.000	0	4.500	500	5.000	0	5.000	4.500	500	0	0	0	0	0	0	0	150	150	Hoàn thành, chưa quyết toán					
8	Trường tiểu học số 1 Hương Toàn(Nhà 02 tầng 05 phòng học và 01 phòng môn)	Kim Tra	2022-2023	05 phòng học và phòng chức năng	1194/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	6.500	0	6.500	0	3.098	3.402	6.500	0	6.500	3.098	3.402	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đã quyết toán					
9	Nhà Văn hóa xã Bình Thành	Bình Diêm	2022-2025	200 chỗ ngồi, 386,23m ² ; san nền 1.413m ²	1190/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 279/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	4.667	3.000	1.667	0	1.200	467	4.667	3.000	1.667	1.200	467	0	0	0	0	0	0	0	200	200	Đã quyết toán					
10	Trường Mầm non Bình Diêm, Hạng mục: Khu hiệu bộ	Bình Diêm	2022-2025	Khu hiệu bộ 2 tầng; 378m ²	1193/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 276/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	4.883	2.500	2.383	0	1.895	488	4.883	2.500	2.383	1.895	488	0	0	0	0	0	0	0	224	224	Đã quyết toán					
11	Trường Tiểu học Bình Diêm; Hạng mục: Khu hiệu bộ	Bình Diêm	2022-2025	Khu hiệu bộ 2 tầng; 544m ²	1192/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 277/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	5.222	3.000	2.222	0	1.700	522	5.222	3.000	2.222	1.700	522	0	0	0	0	0	0	0	250	250	Đã quyết toán					
12	Xây dựng chợ đầu mối Bình Diêm	Bình Diêm	2022-2025	0,38 ha	1195/QĐ-UBND ngày 29/7/2022; 278/QĐ-UBND ngày 29/3/2023	8.222	0	8.222	0	7.400	822	8.222	0	8.222	7.400	822	0	0	0	0	0	0	0	161	161	Đã quyết toán					
13	Mở rộng đường liên xã đoạn qua xã Diêm Môn	Phong Phú	2024-2025	Dài 628m, nền đường 13,5m, mặt đường 7,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến	2319/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	6.000	3.000	3.000	500	0	2.500	6.000	3.000	3.000	500	2.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán					
14	Mở rộng đường từ QL49B đến TL22, xã Diêm Hòa	Phong Phú	2024-2025	1,1km, nền đường 6,0-8,0m, mặt đường 5,0-5,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến	2413/QĐ-UBND ngày 31/7/2023; QĐ 509 ngày 24/2/2025	6.000	3.000	3.000	500	0	2.500	6.000	3.000	3.000	500	2.500	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đang thực hiện					
15	Mở rộng đường trục xã Phong Hải (đoạn từ UBND xã đi Hải Phú)	Phong Quảng	2024-2025	02 tuyến song chiều dài 666m, tuyến 01 nền đường 6,0m, mặt đường 5,0m; tuyến 02 nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến	2345/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	4.000	2.000	2.000	600	1.400	0	4.000	2.000	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	90	90	Đã quyết toán					
16	Trường TH Đông Hiến	Phong Thái	2024-2025	Xây mới nhà 2 tầng/02 phòng học/02 phòng chức năng/280m ²	3006/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	3.040	900	2.140	0	1.100	1.040	3.040	900	2.140	1.100	1.040	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán					
17	Trường TH Diêm Hải	Phong Quảng	2024-2025	Xây mới nhà 2 tầng/04 PCN/406,02m ²	3354/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3.252	1.300	1.952	0	1.450	502	3.252	1.300	1.952	1.450	502	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán					
18	Trường TH Phong Hòa 1	Phong Diêm	2024-2025	Xây mới nhà 2 tầng/04 PCN/428,4m ²	3001/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	3.497	1.300	2.197	0	1.372	825	3.497	1.300	2.197	1.372	825	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán					
19	Trường MN Diêm Hòa	Phong Phú	2024-2025	Xây mới nhà 01 tầng/02 phòng học/285,5m ² ; san nền, sân đường nội bộ	3555/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	4.000	2.000	2.000	0	2.000	0	4.000	2.000	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	617	617	Hoàn thành, chưa quyết toán					
20	Trường MN Phong Sơn 2	Phong Thái	2024-2025	Xây mới nhà 2 tầng/04 phòng học/771m ²	3012/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	4.299	2.000	2.299	0	2.000	299	4.299	2.000	2.299	2.000	299	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán					
21	Trường TH & THCS Nguyễn Lộ Trạch	Phong Phú	2024-2025	Xây mới nhà 2 tầng/04 PCN/428,28m ²	2999/QĐ-UBND ngày 25/9/2023	3.397	1.300	2.097	0	1.436	661	3.397	1.300	2.097	1.436	661	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán					
22	Chỉnh trang các tuyến đường đô thị thị trấn Phong Diêm	Phong Diêm	2024-2025	Tuyến đường dài 700m, nền đường 5,5m, mặt đường 4m, kết cấu BT/Đá và công trình trên tuyến	3005/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	2.000	1.000	1.000	0	1.000	0	2.000	1.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	0	120	120	Hoàn thành, chưa quyết toán					
23	Mở rộng đường Đông Du, thị trấn Phong Diêm	Phong Diêm	2024-2025	Tuyến đường dài 1,9km, kết cấu mặt đường nhựa 7,5m, xây dựng và bố trí 01 phía, công trình trên tuyến	3013/QĐ-UBND ngày 26/9/2023	14.985	7.284	7.701	0	3.716	3.985	14.985	7.284	7.701	3.716	3.985	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đang thực hiện					
24	Đường đầu nối liên xã từ Diêm Hòa đi Diêm Lộc	Phong Phú	2023-2025	150m đường nhựa (3,0-7,5-3,0)/1,5m, xây dựng công trình, cảnh quan	4375/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	3.000	1.500	1.500	500	1.000	0	3.000	1.500	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	0	0	253	253	Đã quyết toán					
25	Xây dựng khu xử lý rác thải rắn huyện A Lưới, thôn Loanh- Ta Vai, xã Đông Sơn	A Lưới 4	2023-2025	14,18 ha bao gồm khu nhà máy xử lý và hạ tầng kỹ thuật	Số 1234 ngày 19/4/2023; số 258 ngày 06/02/2024; QĐ 1069 ngày 3/4/2023	20.998	3.752	17.246	16.142	1.104	0	20.998	3.752	17.246	17.246	0	0	0	0	0	0	0	8.310	8.960	650	Đang thực hiện					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày phê duyệt	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh					Tăng (+)/Giảm (-)					Phân NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thống qua đầu kỳ	Phân NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh thêm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp	Phân NSTP cần bổ sung thêm theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú						
						Tổng cộng	NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác	Tổng cộng	NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác	Tổng cộng	NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác	Tổng cộng	NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác	Tổng cộng	NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác										
																									Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:	
																									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	
																														Ngân sách thành phố
26	Xây dựng nghĩa trang nhân dân huyện A Lưới tại xã Hồng Thượng	A Lưới 3	2024-2025	10 tuyến đường dài 2,37km, kết cấu BTĐC, nền đường từ 7,5-16m, mặt đường từ 5,5-11m, hệ thống thoát nước	1281/QĐ-UBND ngày 26/04/2024; QĐ 346/ ngày 19/12/2024	15.889	1.367	14.522	12.733	1.789	0	15.889	1.367	14.522	14.522	0	0	0	0	0	0	11.733	12.022	289	Đang thực hiện					
27	Xây dựng cầu, đường thôn Hà Úc 1 đi các thôn An Bằng	Phù Vinh	2021-2022	Cầu và đường dài 39,9m; đường BTĐC 495,7m	1733/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 674/QĐ-UBND ngày 29/9/2023;	3.889	1.140	2.749	826	767	1.156	3.889	1.140	2.749	1.593	1.156	0	0	0	0	0	0	0	0	Đã quyết toán					
28	Xây dựng trường mầm non Phù Thuận	Thuận An	2021-2023	2 tầng gồm 3PCN, 1PH, 615m2	1764/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 680/QĐ-UBND ngày 29/9/2023;	5.556	1.628	3.928	1.180	2.192	556	5.556	1.628	3.928	3.372	556	0	0	0	0	0	0	39	39	Đã quyết toán					
29	Xây dựng trường mầm non Phù Hải	Thuận An	2021-2023	3PCN, 355m2	1765/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 681/QĐ-UBND ngày 29/9/2023;	3.945	1.156	2.789	839	1.555	395	3.945	1.156	2.789	2.394	395	0	0	0	0	0	0	138	138	Đã quyết toán					
30	Xây dựng Trường mầm non Vĩnh Thanh	Phù Vinh	2021-2023	2 tầng gồm 3PCN, 3PH, 576m2	1767/QĐ-UBND ngày 14/7/2022; 686/QĐ-UBND ngày 29/9/2023;	5.556	1.628	3.928	1.180	1.096	1.652	5.556	1.628	3.928	2.276	1.652	0	0	0	0	0	0	1	1	Đã quyết toán					
31	02 phòng chức năng MN Phù Hồ	Phù Hồ	2023-2024	02 Phòng chức năng	3865/QĐ-UBND ngày 29/12/2022; 677/QĐ-UBND ngày 29/9/2023;	2.778	814	1.964	590	548	826	2.778	814	1.964	1.138	826	0	0	0	0	0	0	97	97	Đã quyết toán					
32	Đường liên xã ven phá Phù Xuân - Phù Đa	Phù Hồ	2024-2025	Tuyến đường 1,29km; kết cấu nền đường BTĐC; nền đường 7m, mặt đường 5m và công trình trên tuyến	653/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	5.067	1.380	3.687	1.180	1.000	1.507	5.067	1.380	3.687	2.180	1.507	0	0	0	0	0	1.180	1.180	0	Đang thực hiện					
33	Xây dựng khu văn hóa thể thao trung tâm xã Phù Hải	Thuận An	2024-2025	Xây dựng sân bóng đá, đường nối bê, hệ thống thoát nước, công bằng rào....	QĐ số 3342/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.889	1.091	2.798	874	1.535	389	3.889	1.091	2.798	2.409	389	0	0	0	0	0	874	874	0	Đang thực hiện					
34	Hạ tầng các điểm tập kết chất thải nguy hại các xã thuộc huyện Phù Vang		2024-2025	09 điểm tập kết rác thải sinh hoạt kết hợp điểm tập kết chất thải nguy hại; 02 điểm tập kết chất thải nguy hại sau phân loại; nền chôn trum trung chuyển rác thải xã Phù Hải; 30 điểm tập kết rác thải thuộc bảo vệ thực vật các xã thuộc huyện	QĐ số 3345/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.200	800	1.400	420	678	302	2.200	800	1.400	1.098	302	0	0	0	0	0	0	0	0	Đã quyết toán					
35	Hạ tầng xử lý nước thải các chợ Phù Hải, Phù Diên, Phù Gia, Phù Xuân, Vĩnh Thanh		2024-2025	Hệ thống xử lý nước thải của chợ Phù Gia, Phù Diên 2, Phù Diên 3	QĐ số 3346/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	3.100	1.107	1.993	581	1.130	282	3.100	1.107	1.993	1.711	282	0	0	0	0	0	0	145	145	Đã quyết toán					
36	Sân nền và xây dựng tường rào Trường THCS Lộc Bón	Hưng Lộc	2022-2024	Sân nền 9.50m2; hàng rào 277m	3126/QĐ-UBND, ngày 09/08/2022; 3128/QĐ-UBND, ngày 07/10/2022	4.172		4.172		3.129	1.043	4.172		4.172	3.129	1.043	0	0	0	0	0	0	0	0	Đang thực hiện					
37	Trường THCS Lộc Tiến	Chân Mây - Lăng Cô	p	Khu hiệu bộ 2 tầng, 469,5m2 và 4 PHM/2 tầng, 652,5m2	2415/QĐ-UBND ngày 10/09/2022; 841/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	8.580	3.685	4.895	3.092	945	858	8.580	3.685	4.895	4.037	858	0	0	0	0	0	0	189	189	Đã quyết toán					
38	Trường mầm non Lộc Bình	Phù Lộc	2022-2023	2 tầng gồm nhà làm việc và PĐN; 355m2 và công trình phụ trợ	1348/QĐ-UBND ngày 28/04/2021; 2914/QĐ-UBND ngày 14/09/2022; 864/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	4.143	1.337	2.806	702	1.690	414	4.143	1.337	2.806	2.392	414	0	0	0	0	0	0	525	525	Đã quyết toán					
39	Trường mầm non Xuân Lộc	Hưng Lộc	2022-2023	2 tầng gồm khu hiệu bộ và 4 PH, 507m2 và công trình phụ trợ	4024/QĐ, ngày 11/12/2020; 2529/QĐ-UBND ngày 19/09/2022; 860/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	11.673	4.552	7.121	4.228	1.726	1.167	11.673	4.552	7.121	5.954	1.167	0	0	0	0	0	0	26	26	Đã hoàn thành, đang quyết toán					
40	Trường mầm non Lộc Thủy	Chân Mây - Lăng Cô	2022-2024	2 tầng gồm khu hiệu bộ và 4 PH, 373m2	3428/QĐ-UBND ngày 10/09/2022; 871/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	5.736	2.384	3.352	2.000	776	576	5.736	2.384	3.352	2.776	576	0	0	0	0	0	0	-179	-179	Đã quyết toán					
41	Trường THCS Lộc An: Xây dựng nhà đa năng	Lộc An	2024-2025		2370/QĐ-UBND ngày 07/11/2023	6.500		6.500		5.525	975	6.500		6.500	5.525	975	0	0	0	0	0	0	1.349	1.349	Đang thực hiện					
42	Hạ tầng phát triển du lịch nông thôn: Đường giao thông bê tông ven phá, xã Lộc Bình (giai đoạn 2)	Phù Lộc	2024-2025	Tuyến đường dài 605,29m, kết cấu BTĐC; nền đường 3,5m, nền đường rộng 5m và công trình trên tuyến	4169/QĐ-UBND ngày 29/11/2023	4.850	1.907	2.943	1.000	1.458	485	4.850	1.907	2.943	2.458	485	0	0	0	0	0	500	368	-132	Đang thực hiện					
43	Nâng cấp, sửa chữa cơ sở hạ tầng Trường Tiểu học Hương Lộc, xã Hương Lộc và Trường Tiểu học Hương Hòa	Nam Đông, Khe Tre	2021-2022	Cải tạo sân nền, bồn hoa, hàng rào phụ trợ khác	374/QĐ-UBND 19/4/2021	1.400		1.400	1.250	150	1.400		1.400	1.400	0	0	0	0	0	0	0	0	22	22	Đã quyết toán					
44	Hạ tầng khu quy hoạch dân cư thôn 10, xã Hương Xuân	Nam Đông	2022-2024	4,12km, đường dài 0,654km, BT nhựa, công trình phụ trợ	263/QĐ-UBND 22/7/2021	9.700		9.700	2.150	7.550	9.700		9.700	9.700	0	0	0	0	0	0	0	0	756	756	Đã hoàn thành, đang quyết toán					
45	Trường THCS bán trú Long Quảng	Long Quảng	2022-2023	2 tầng, 1 PH, 1 PCN, 306m2	815/QĐ-UBND ngày 29/07/2022	2.400	1.680	720	350	370	2.400	1.680	720	720	0	0	0	0	0	0	0	0	347	347	Đã hoàn thành, đang quyết toán					
46	Trường Tiểu học và THCS Kim Đồng	Nam Đông	2022-2023	2 tầng, 4 PH, 518m2	809/QĐ-UBND ngày 29/07/2022	4.800	3.360	1.440	700	740	4.800	3.360	1.440	1.440	0	0	0	0	0	0	0	0	560	560	Đã quyết toán					
47	Trường Mầm Non Hương Giang	Nam Đông	2022-2023	1 PHV, 1 nhà bếp, 40m2 và hàng rào phụ trợ	816/QĐ-UBND ngày 29/07/2022	450	100	350	100	250	450	100	350	350	0	0	0	0	0	0	0	0	55	55	Đã hoàn thành, đang quyết toán					
48	Trường Mầm non Thương Lộ	Khe Tre	2022-2023	Tường rào dài 51m, nhà kho 26m2 và phụ trợ	808/QĐ-UBND ngày 29/07/2022	650	250	400	200	200	650	250	400	400	0	0	0	0	0	0	0	0	127	127	Đã quyết toán					
49	Trường Mầm non Hương Phú	Khe Tre	2022-2023	Cổng, tường rào dài 227m, nhà xe, nhà bếp và	813/QĐ-UBND ngày 29/07/2022	1.500	600	900	600	300	1.500	600	900	900	0	0	0	0	0	0	0	0	196	196	Đã quyết toán					
50	Trường Tiểu học Hương Phú	Khe Tre	2022-2023	2 tầng, 4 PH, 1 PCN, 453m2	814/QĐ-UBND ngày 29/07/2022	4.600	3.220	1.380	700	680	4.600	3.220	1.380	1.380	0	0	0	0	0	0	0	0	528	528	Đã quyết toán					

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện	Năng lực thiết kế	Số QĐ, ngày phê duyệt	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh					Tăng (+)/Giảm (-)					Phần NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 đã được thông qua đầu kỳ	Phần NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh thêm phần ngân sách trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp	Phần NSTP cần bổ sung thêm theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú			
						Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:										
							NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác				NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác				NSTW	NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác									
								Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:				Tổng cộng	Trong đó:								
									Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác				Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Ngân sách thành phố				Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác	Ngân sách thành phố					Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác		
51	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trung tâm xã Thượng Lộ, huyện Nam Đông	Nam Đông	2024-2025	Nâng cấp tuyến đường dài 0,54km, nền đường 12m, mặt đường 6,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến	1614/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	7.300	5.110	2.190	1.170	1.020	7.300	5.110	2.190	2.190	0	0	0	0	0	0	1.170	2.190	1.020	Đang thực hiện			
52	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ đường Tỉnh lộ 14B đến Trường Tiểu học Thượng Quảng, xã Thượng Quảng, huyện Nam Đông	Long Quảng	2024-2025	Nâng cấp tuyến đường dài 0,57km, nền đường 6,5m, mặt đường 5,5m, kết cấu bê tông nhựa và công trình trên tuyến	1615/QĐ-UBND ngày 31/10/2024	2.700	1.890	810	430	380	2.700	1.890	810	810	0	0	0	0	0	0	430	810	380	Đã hoàn thành, chưa quyết toán			
53	Đường vào khu vực phát triển tiểu thủ công nghiệp, xã Hương Xuân, huyện Nam Đông	Nam Đông	2024-2025	Tuyến đường 755,36m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa sống; nền đường từ 9,5-14,5m, mặt đường từ 7,5-10,5m và công trình trên tuyến	501/QĐ-UBND ngày 09/4/2024	7.500	4.750	2.750	2.750	-	7.500	4.750	2.750	2.750	0	0	0	0	0	0	1.000	1.000	0	Đang thực hiện			
54	Nâng cấp tuyến đường từ Tỉnh lộ 14B đến trung tâm thôn 8 xã Hương Xuân	Nam Đông	2024-2025	Tuyến đường #22,0m, kết cấu mặt đường bê tông nhựa, mở rộng mặt đường thành 5,5m và công trình trên tuyến	404/QĐ-UBND ngày 26/3/2024	5.450	3.704	1.746	-	1.746	5.450	3.704	1.746	1.746	0	0	0	0	0	0	0	746	746	Đã hoàn thành, chưa quyết toán			
55	Hệ thống thoát nước tuyến đường khu trung tâm thôn 8, xã Hương Xuân	Nam Đông	2022-2023	0,273km, BTCT	42/QĐ-UBND 17/01/2022	1.200		1.200	750	450	1.200		1.200	1.200	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đã quyết toán			
56	Hệ thống thoát nước khu trung tâm xã Hương Lộc	Khe Tre	2022-2023	0,291km, BTCT	43/QĐ-UBND 17/01/2022	850		850	550	300	850		850	850	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đã quyết toán			
57	Nâng cấp chợ Nam Đông	Nam Đông	2024-2025	Cải tạo đình chợ chính DT 647m ² , đình chợ phụ DT 303m ² và hàng mục phụ trợ khác	723/QĐ-UBND ngày 03/6/2024	1.980	1.500	480		480	1.980	1.500	480	480	0	0	0	0	0	0	0	340	340	Đang thực hiện			
58	Hạ tầng phát triển du lịch nông thôn: Điểm du lịch cộng đồng thôn Dối, xã Thượng Lộ	Khe Tre	2024-2025	Nhà đón tiếp, nhà vệ sinh, bãi đỗ xe, sân đường rải bê tông và hàng mục phụ trợ khác	344/QĐ-UBND ngày 06/6/2024	5.485	1.214	4.271	2.850	1.421	5.485	1.214	4.271	4.271	0	0	0	0	0	0	1.000	2.421	1.421	Đã hoàn thành, chưa quyết toán			
59	Phát triển sản phẩm rượu vang Bạch Mã hướng đến sản phẩm OCOP 5 sao (Hạ tầng vùng nguyên liệu phát triển cây Vă)	Lộc An	2023-2025	đường giao thông, điện chiếu sáng và nước sạch phục vụ cho 3ha vùng nguyên liệu tập trung và khoảng 100 hộ dân trong vùng để phát triển vùng nguyên liệu	2871/QĐ-UBND ngày 09/9/2025	12.500	5.000	7.500	2.625	4.875	7.184	5.210	1.974	1.974	-5.316	210	-5.526	-5.526	0	2.625	1.974	-651	Đang thực hiện				



Phụ lục 4
Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững thành phố Huế
(Kèm theo Nghị quyết số 102/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố Huế)

DVT: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian thực hiện		Số QĐ, ngày phê duyệt	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 26/01/2024 của HĐND tỉnh					Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đề nghị điều chỉnh					Tăng (+)/Giảm (-)					Phản NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Phản NSTP còn lại theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh thêm phần ngân sách huyện trước khi thực hiện sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp	Phản NSTP cần bổ sung thêm theo kế hoạch giai đoạn 2021-2025 điều chỉnh	Ghi chú
						Tổng cộng	NSTW	Trong đó:			Tổng cộng	NSTW	Trong đó:			Tổng cộng	NSTW	Trong đó:						
								NSDP, nhân dân đóng góp và huy động khác	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện, nhân dân đóng góp và huy động khác			NSDP	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác			NSDP	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, nhân dân đóng góp và huy động khác				

	Tổng cộng					372.108	323.011	49.097	34.104	13.090	1.903	367.302	263.665	103.637	99.854	3.783	-4.495	-59.346	54.851	52.971	1.880	7.622	69.412	61.790	
1	Ban QLDA ĐTXD khu vực 2					352.008	306.094	45.914	33.545	12.369	0	349.138	254.444	94.694	94.694	0	-2.870	-51.650	48.780	48.780	0	7.622	65.221	57.599	
1	Kê sông Ta Rinh đoạn Quảng Nhâm, Hồng Bắc, Hồng Kim	A Lưới 2	2022-2024	Xây mới 2,56 km kè (1.214 km bờ trái; 1.346 km bờ phải)	2450/QĐ-UBND ngày 21/07/2022	40.000	30.156	9.844	8.596	1.248	0	40.000	30.156	9.844	9.844	0	0	0	0	0	0	1.000	2.248	1.248	Đã quyết toán
2	Đường giao thông liên xã từ xã Phú Vinh đi xã Hồng Thượng	A Lưới 3	2022-2024	2 tuyến đường dài 1.640 m, mặt đường BTN và công trình trên tuyến	2451/QĐ-UBND ngày 20/07/2022	20.000	18.000	2.000	2.000	0	0	20.000	18.000	2.000	2.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Đã quyết toán
3	Nâng cấp tuyến đường khe Bùn xã Hồng Kim đến xã Hồng Thượng	A Lưới 1, A Lưới 2, A Lưới 3	2022-2024	7 tuyến đường dài 9.804 m, mặt đường BTN và công trình trên tuyến	2449/QĐ-UBND ngày 20/07/2022	75.000	70.000	5.000	2.800	2.200	0	75.000	70.000	5.000	5.000	0	0	0	0	0	0	0	0	0	Hoàn thành, chưa quyết toán
4	Hồ A Tia, xã Hồng Kim	A Lưới 1	2024-2025	Nạo vét lòng hồ khoảng 6000m3; xây đập dâng nước; kênh dẫn nước và đường giao thông	3131/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	35.000	32.000	3.000	3.000	0	0	30.780	8.405	22.375	22.375	-4.220	-23.595	19.375	19.375	0	2.000	21.375	19.375	Đang thực hiện	
5	Đường giao thông liên xã Hồng Thái và Quảng Nhâm	A Lưới 2, A Lưới 3	2024-2025	Tuyến đường dài 2.356,22m; kết cấu bê tông nhựa chặt; nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m và công trình trên tuyến	252/QĐ-UBND ngày 02/02/2024	10.000	8.095	1.905	1.905	0	0	10.000	8.095	1.905	1.905	0	0	0	0	0	0	367	367	0	Đang thực hiện
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường vào khu du lịch cộng đồng A Nor	A Lưới 1	2024-2025	Tổng chiều dài L=757,23m đường bê tông nhựa, nền 6,4m, mặt 4m và công trình trên tuyến	2800/QĐ-UBND ngày 04/10/2023	5.000	4.000	1.000	1.000	0	0	5.000	4.000	1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	500	500	0	Đang thực hiện
7	Đường giao thông vào cụm Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp huyện A Lưới	A Lưới 3	2024-2025	Tổng chiều dài L=2.555,25m đường BTXM, nền 7,5m, mặt 5,5m và công trình trên tuyến	850/QĐ-UBND ngày 25/3/2024	15.489	12.000	3.489	3.489	0	0	15.489	4.500	10.989	10.989	0	-7.500	7.500	7.500	0	1.489	8.989	7.500	Đang thực hiện	
8	Đường giao thông liên xã từ xã Lâm Đốt đi xã Đông Sơn	A Lưới 4	2024-2025	Tuyến đường dài 1.950m; kết cấu láng nhựa, nền đường 7,5m, mặt đường 5,5m và công trình trên tuyến. Cầu BTCT dài 78,15m, 2 nhịp L=2x33m	375/QĐ-UBND ngày 29/02/2024	23.000	20.000	3.000	3.000	0	0	23.000	8.000	15.000	15.000	0	-12.000	12.000	12.000	0	1.266	13.266	12.000	Đang thực hiện	
9	Đường giao thông liên xã từ xã Trung Sơn đi xã Hồng Vân	A Lưới 1	2024-2025	Tổng chiều dài L=1.627,6m đường BTXM, nền 7,5m, mặt 5,5m; cầu 59,2m và công trình trên tuyến	1898/QĐ-UBND ngày 21/07/2024	16.000	14.000	2.000	2.000	0	0	16.000	5.445	10.555	10.555	0	-8.555	8.555	8.555	0	1.000	9.555	8.555	Đang thực hiện	
10	Đường giao thông liên xã A Ngo-Sơn Thủy-Quảng Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	A Lưới 2, A Lưới 3	2023-2025	Tổng chiều dài tuyến L=1.764,46m; kết cấu mặt đường bê tông nhựa và công trình trên tuyến. Cầu 4 nhịp, chiều dài 146,25m (tính đến đầu mối)	2176/QĐ-UBND ngày 03/08/2023	83.884	74.286	9.598	3.000	6.598	0	83.884	74.286	9.598	9.598	0	0	0	0	0	0	6.598	6.598	Đang thực hiện	
11	Đường giao thông liên xã từ Thị trấn A Lưới đi xã Quảng Nhâm, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế	A Lưới 2	2023-2025	Tổng chiều dài 03 tuyến L=2.070m mặt đường bê tông nhựa và công trình trên tuyến	2177/QĐ-UBND ngày 03/08/2023	28.635	23.557	5.078	2.755	2.323	0	29.985	23.557	6.428	6.428	1.350	0	1.350	1.350	0	0	2.323	2.323	Đang thực hiện	
II UBND cấp xã						20.100	16.917	3.183	559	721	1.903	18.164	9.221	8.943	5.160	3.783	-1.625	-7.696	6.071	4.191	1.880	0	4.191	4.191	0
1	Đường giao thông liên thôn kết hợp phát triển sản xuất Thanh Hương Tây- Thanh Hương Đông	Phong Phú	2022-2024	1,4km đường BT, nền 6m, mặt 3,5m; công trình trên tuyến	4458/QĐ-UBND ngày 15/07/2022; 6446/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	5.500	5.000	500	90	410	0	4.977	4.000	977	977	-523	-1.000	477	477	0	0	477	477	Đã thi công hoàn thành	
2	Nâng cấp, chỉnh trang các tuyến đường trung tâm xã Điện Hương	Phong Phú	2024-2025	Nâng cấp 02 tuyến đường trung tâm tổng chiều dài 459m	3395/QĐ-UBND ngày 03/11/2023	3.000	2.700	300	147	0	153	2.751	700	2.051	1.898	153	-249	-2.000	1.751	1.751	0	0	1.751	1.751	Đã thi công hoàn thành
3	Các tuyến kênh mương xã Phong Chương	Phong Dinh	2024-2025	Xây mới 10 tuyến kênh tổng chiều dài 2,45km	3571/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	3.700	3.400	300	0	0	300	3.400	1.500	1.900	1.600	300	-300	-1.900	1.600	1.600	0	0	1.600	1.600	Đã thi công hoàn thành
4	Khởi nhà 2 tầng 04 phòng trường MN Phong Chương 2	Phong Dinh	2024-2025	Xây mới nhà 2 tầng 04 phòng học 71m2	3562/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	4.200	2.600	1.600	150	0	1.450	3.463	1.500	1.963	513	1.450	-737	-1.100	363	363	0	0	363	363	Đã thi công hoàn thành
5	Mở rộng bếp, sân nền (cs chính); Xây dựng cổng, tường rào, sân nền, chống xuống cấp cơ sở lễ trường Mầm non Phú Diễn	Phú Vinh	2024-2025	sàn nền, lát gạch terrazo cơ sở chính khoảng 445m2; chống xuống cấp, xây dựng kho bếp cơ sở lễ	QĐ số 3348/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	2.200	1.913	287	103	184	0	2.200	917	1.283	103	1.180	184	-996	1.180	0	1.180	0	0	0	Đã thi công hoàn thành
6	Đường bê tông nông thôn tuyến giữa thôn Thanh Dương	Phú Vinh	2024-2025	847m đường BTXM và công trình trên tuyến	QĐ số 3349/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	1.500	1.304	196	69	127	0	1.373	604	769	69	700	0	-700	700	0	700	0	0	0	Đã thi công hoàn thành